

Yên Bái, ngày 22 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Cục và các đơn vị Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện.

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC

Căn cứ Thông báo số /TB-TCTHADS ngày tháng năm 2023 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 Xét đề nghị của phụ trách kế toán ngân sách Cục


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Cục và các Chi Cục Thi hành án dân sự cấp huyện (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Cục, Phụ trách kế toán Ngân sách và các cá nhân liên quan thực hiện Quyết định này./. *SV*

Nơi nhận: *SV*
- Tổng cục THADS;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu :VT, KT.


CỤC TRƯỞNG
Trần Văn Tường

Số: 04 /BB- CTHADS

Yên Bái, ngày 22 tháng 05 năm 2023

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Cục và các đơn vị Chi cục trực thuộc

Hôm nay, vào hồi 8h ngày 22 tháng 05 năm 2023

Tại: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái

- Đ/c: Trần Văn Tường - Cục Trưởng
- Đ/c: Trần Thị Thanh Hương - Phụ trách văn phòng
- Đ/c: Phan Thị Thu Thảo – Phụ trách Kế toán
- Đ/c: Phạm Thị Ngọc Anh – Thẩm tra viên

Lập biên bản về việc niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Cục và các đơn vị Chi cục trực thuộc bằng hình thức Niêm yết tại trụ sở làm việc và đang tải trang thông tin điện tử Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8h ngày 22 tháng 05 năm 2023

Thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Cục và các đơn vị Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện tại bảng tin và trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Địa chỉ: Phường Đồng Tâm – Thành phố cho cán bộ công chức, người lao động trong cơ quan biết và thực hiện giám sát.

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục trong thời gian 90 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 9h 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Phan Thị Thu Thảo

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Văn Tường

CÁC THÀNH VIÊN



Trần Thị Thanh Hương



Phạm Thị Ngọc Anh

Mẫu biểu số 4 - Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của BTC

TỔNG CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ
CỤC THỰC HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN CHI TIẾT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-CTHADS ngày 22 tháng 05 năm 2023)

ST T	Loại	Khoản	Tên đơn vị	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được đuyệt	Trong đó				
						Quy tiên lương	Mua sắm sửa chữa	Trích lập các quỹ	chuyên môn nghị vụ	
	340	341	Kinh phí tự chủ	21,898,687,000	21,898,687,000	16,200,008,499	423,548,272	100,063,640	5,275,130,229	
1	340	341	Văn phòng Cục	5,170,339,000	5,170,339,000	3,929,481,380	40,458,200	100,063,640	1,200,399,420	
2	340	341	Thành phố	3,676,114,000	3,676,114,000	2,807,491,000	116,966,000		751,657,000	
3	340	341	Mù Cang Chải	1,009,820,000	1,009,820,000	782,486,000	17,408,000		209,926,000	
4	340	341	Trạm Tàu	1,098,841,000	1,098,841,000	848,529,976	50,075,072		200,235,952	
5	340	341	Văn Chấn	1,643,358,000	1,643,358,000	1,094,889,800	26,543,000		521,925,200	
6	340	341	Trần Yên	1,791,002,000	1,791,002,000	1,188,383,004	35,905,000		566,713,996	
7	340	341	Văn Yên	1,834,122,000	1,834,122,000	1,312,866,200	11,790,000		509,465,800	
8	340	341	Nghĩa Lộ	1,872,053,000	1,872,053,000	1,358,406,500	51,298,000		462,348,500	
9	340	341	Lục Yên	1,797,702,000	1,797,702,000	1,308,629,359	24,420,000		464,652,641	
10	340	341	Yên Bình	2,005,336,000	2,005,336,000	1,568,845,280	48,685,000		387,805,720	
			Kinh phí không tự chủ	1,878,335,700	1,878,335,700	0	1,386,627,728	0	491,613,972	
1	340	341	Văn phòng Cục	933,892,700	933,892,700		660,212,800		273,679,900	
2	340	341	Thành phố	289,617,000	289,617,000		260,893,000		28,724,000	
3	340	341	Mù Cang Chải	127,400,000	127,400,000		118,400,000		9,000,000	
4	340	341	Trạm Tàu	56,105,000	56,105,000		6,029,928		50,075,072	
5	340	341	Văn Chấn	71,085,000	71,085,000		55,092,000		15,993,000	

6	340	341	Trần Yên	71,785,000	71,785,000		59,400,000		12,385,000
7	340	341	Vân Yên	72,740,000	72,740,000		59,400,000		13,340,000
8	340	341	Nghĩa Lộ	60,085,000	60,085,000		48,400,000		11,685,000
9	340	341	Lục Yên	120,156,000	120,156,000		59,400,000		60,756,000
10	340	341	Yên Bình	75,470,000	75,470,000		59,400,000		16,070,000
			Kinh phí không tự chủ	44,336,000	44,336,000	0	0	0	44,336,000
1	780	085	Văn phòng Cục	21,600,000	21,600,000				21,600,000
2	780	085	Thành phố	0	0				0
3	780	085	Mù Cang Chải	0	0				0
4	780	085	Trần Yên	0	0				0
5	780	085	Trạm Tàu	0	0				0
6	780	085	Vân Chấn	0	0				0
7	780	085	Vân Yên	12,336,000	12,336,000				12,336,000
8	780	085	Nghĩa Lộ	0	0				0
9	780	085	Yên Bình	10,400,000	10,400,000				10,400,000
10	780	085	Lục Yên	0	0				0

ĐPK

